

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 02 – 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 24/02/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2019/TLST- HNGĐ ngày 06/12/2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Mạnh K, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1992;

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định;;

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định;;

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh K, chị N (anh K, chị N xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Mạnh K trình bày: Anh và chị Lê Thị N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 25/03/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng, hay xảy ra va chạm, cãi vã. Từ tháng 6/2019, chị N bế con về nhà ngoại ở và từ đó đến nay anh chị sống ly thân nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có ba con chung là Lê Mạnh K1, sinh ngày 22/8/2011; Lê Mạnh T, sinh ngày 29/4/2013 và Lê Mạnh K2, sinh ngày 09/4/2016.

Anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu T và cháu K2. Để chị N nuôi dưỡng cháu K1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại các bản tự khai đề ngày 10/12/2019; 10/01/2020, bị đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của anh K. Về tình cảm chị cũng xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh K có xảy ra mâu thuẫn do anh K có quan hệ tình cảm với người khác. Anh, chị sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau. Nay anh K có đơn ly hôn, chị không đồng ý vì chị muốn giữ gia đình cho con. Chị đã cố gắng và chủ động rất nhiều lần để hàn gắn tình cảm với anh K nhưng không có kết quả vì anh K không còn tình cảm với chị, anh K chửi, đánh chị. Chị mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị đoàn tụ vì chị hi vọng nếu kéo dài thời gian hơn nữa sẽ giúp anh K thay đổi để về đoàn tụ với vợ con. Trường hợp anh K cố tình xin ly hôn, chị cũng chấp nhận nhưng không nhất trí thuận tình mà đề nghị Tòa án xét xử ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh K có ba con chung là Lê Mạnh K1, sinh ngày 22/8/2011; Lê Mạnh T, sinh ngày 29/4/2013 và Lê Mạnh K2, sinh ngày 09/4/2016. Chị xin được nuôi dưỡng cháu K1 và để anh K nuôi dưỡng cháu T, cháu K2. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh chị nhưng giữa anh K và chị N không thống nhất được vấn đề về tình cảm nên Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Anh K, chị N đều xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin vắng mặt của anh K, chị. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn anh Lê Mạnh K thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn chị Lê Thị N có nơi cư trú tại thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh K, chị N đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Mạnh K và chị Lê Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/03/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, luôn căng thẳng. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân nhau. Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với chị N. Chị N cũng xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng do anh K không chung thủy, vợ chồng đang sống ly thân nhưng chị không muốn vợ chồng ly hôn, chị xác định vẫn còn tình cảm với anh K. Thực tế, anh K và chị N đã sống ly thân nhau, hôn nhân giữa anh chị đã chấm dứt từ tháng 9/2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K thì kiên quyết xin ly hôn nên trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Chị N mặc dù không muốn ly hôn nhưng chị cũng thừa nhận không có biện pháp gì để níu kéo và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, anh K, chị N đã sống ly thân một thời gian dài, đời sống chung không có, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn của anh K, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh K, chị N xác định anh, chị có ba con chung là Lê Mạnh K1, sinh ngày 22/8/2011; Lê Mạnh T, sinh ngày 29/4/2013 và Lê Mạnh K2, sinh ngày 09/4/2016. Anh, chị thống nhất giao cháu T, cháu K2 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh K, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Lê Mạnh K và chị Lê Thị N.

2. Giao con chung là Lê Mạnh T, sinh ngày 29/4/2013 và Lê Mạnh K2, sinh ngày 09/4/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Mạnh K1, sinh ngày 22/8/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh K phải nộp 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001292, ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, anh K đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Anh Lê Mạnh K, chị Lê Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã T: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích